

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ BẤT ĐỘNG SẢN HOÀNG GIA**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ BẤT ĐỘNG SẢN HOÀNG GIA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108689723

**3. Ngày thành lập:** 08/04/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Nhuế, Xã Kim Chung, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0986365500

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4311     |
| 2.  | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                        | 4312     |
| 3.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                    | 4321     |
| 4.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết: Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng : Thang máy, cầu thang tự động, các loại cửa tự động, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống hút bụi, hệ thống âm thanh, hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí. | 4329     |
| 5.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                      | 4390     |
| 6.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                        | 4101     |
| 7.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                  | 4102     |
| 8.  | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                                                                            | 4211     |
| 9.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                             | 4212     |
| 10. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                                                                 | 4221     |
| 11. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                                      | 4222     |
| 12. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                                                                                       | 4223     |
| 13. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                                                                        | 4229     |
| 14. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                                                                                                 | 4291     |
| 15. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                                                                                                                          | 4292     |
| 16. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                                                                                                                    | 4293     |
| 17. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                               | 4299     |
| 18. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                    | 4322     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 19. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết : Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến<br>Bán buôn xi măng<br>Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi<br>Bán buôn kính xây dựng<br>Bán buôn sơn, vécni<br>Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh<br>Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Bán buôn đồ ngũ kim | 4663        |
| 20. | Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 1610        |
| 21. | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 1621        |
| 22. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4330        |
| 23. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 1622        |
| 24. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ môi giới bất động sản<br>- Dịch vụ tư vấn bất động sản<br>- Dịch vụ quản lý bất động sản                                                                                                                                                                       | 6820(Chính) |
| 25. | Hoạt động dịch vụ trồng trọt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 0161        |
| 26. | Hoạt động dịch vụ chăn nuôi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 0162        |
| 27. | Khai thác quặng sắt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 0710        |
| 28. | Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 0722        |
| 29. | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 1010        |
| 30. | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 1020        |
| 31. | Chế biến và bảo quản rau quả                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 1030        |
| 32. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4661        |
| 33. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4662        |
| 34. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4722        |
| 35. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4933        |

**6. Vốn điều lệ:** 8.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: HOÀNG VĂN HÙNG

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 25/06/1990 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001090023680

Ngày cấp: 11/04/2018

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Nhuế, Xã Kim Chung, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Nhuế, Xã Kim Chung, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: HOÀNG VĂN HÙNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 25/06/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001090023680

Ngày cấp: 11/04/2018

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Nhuế, Xã Kim Chung, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Nhuế, Xã Kim Chung, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội